

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DS– ST

Ngày: 27/4/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Siêng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và ông Hà Trọng Khả

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2020/TLST – DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2021/QĐST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hồ Thị Thanh S – sinh năm 1964; Địa chỉ: Đường Đ, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn S1 - sinh năm 1957; Địa chỉ: Đường P, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Có đơn xin xét xử vắng mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị T1 – sinh năm 1960; Địa chỉ: Đường P, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

- Lê Văn T2 – sinh năm 1982; địa chỉ: thôn C1, xã H, huyện T3, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2019 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Ngày 30 tháng 10 năm 2018 bị đơn Nguyễn Văn S1 đã mua của nguyên đơn 01 chiếc xe gắn máy hiệu Ganasi, số khung 008172, số máy 208172, biển kiểm soát 78N4-YYYY với số tiền 21.000.000đồng, cam kết trả góp trong thời hạn 07 tháng, mỗi tháng góp 3.000.000đồng theo Hợp đồng trả góp xe gắn máy ngày 30 tháng 10 năm 2018. Từ ngày mua xe cho

đến nay, bị đơn chưa trả khoản tiền nào nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phải trả toàn bộ số tiền trên và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lập ngày 9 tháng 4 năm 2021, bị đơn Nguyễn Văn S1 trình bày: Năm 2018 tôi và vợ tôi (bà T1) có chiếc xe cũ lên đời để mua của bà S chiếc xe mô tô hiệu Ganasi, biển số 78N4-YYYY đứng tên nhân viên bà S (ông Lê Văn T2), bà S chỉ đưa lại tôi cả vệt phô tô, cả vệt chính bà S giữ. Lúc mua xe giá xe là khoảng 14 đến 15 triệu thỏa thuận trả góp, bà S cản trừ chiếc xe cũ của tôi (khoảng 4.000.000đồng) và tính lãi lên thành 21.000.000đồng ghi vào hợp đồng nhận nợ tiền mua xe trả góp, thỏa thuận trả 3.000.000đ/tháng, thời hạn góp đến cuối 30/5/2019. Tôi và vợ tôi ký tên vào bản hợp đồng, do vợ tôi (bà T1) không biết chữ nên lấn tay vào hợp đồng này. Sau khi mua xe do điều kiện kinh tế khó khăn nên chúng tôi không có khả năng trả nợ như thỏa thuận. Đến nay tôi chấp nhận có nợ bà S số nợ 21.000.000đồng gốc và lãi suất theo quy định. Tuy nhiên, tôi không có khả năng trả nợ một lần xin trả dần hàng tháng theo khả năng của tôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T2 trình bày: Ông là nhân viên của Doanh nghiệp S chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, ông được bà Hồ Thị Thanh S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô ở Doanh nghiệp tư nhân S bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà Hồ Thị Thanh S giữ). Bản thân ông là chủ sở hữu đối với 02 xe gắn máy loại cup 50 (Giấy đăng ký xe biển số 78AF-020.96 và 78AF-02039).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị căn cứ các Điều 430, 433, 440, 357, 468 BLDS 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 21.000.000đồng và lãi suất chậm trả trên số tiền nợ gốc là 20%/năm, từ ngày 30/10/2018 cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua xe máy trả góp, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S và bị đơn Nguyễn Văn S1 có yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn trả nợ theo Hợp đồng trả góp xe gắn máy ngày 30 tháng 10 năm 2018, đối với chiếc xe gắn máy hiệu Ganasi, số khung 008172, số máy 208172, biển kiểm soát 78N4-YYYY phải trả số tiền 21.000.000đồng gốc và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm từ ngày 30 tháng 10 năm 2018 đến khi trả xong nợ. Kèm theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 5 năm 2019 nguyên đơn nộp bản gốc Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 30 tháng 10 năm 2018, có nội dung bị đơn mua xe máy biển số 78N4-YYYY, số tiền còn nợ lại là 21.000.000đồng. Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuy Hòa cung cấp thông tin về chiếc xe bị đơn đã mua của nguyên đơn có biển số 78N4-YYYY do ông Lê Văn T2 đứng tên chủ sở hữu.

[2.1] Theo các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, ông Thái thừa nhận ông là nhân viên của nguyên đơn và được nguyên đơn ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe bán cho khách hàng. Căn cứ Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 30 tháng 10 năm 2018, các bên có thỏa thuận “chiếc xe này là tài sản của bà S nên bà S có quyền bán lại cho người nhận nợ mua xe, khi nào trả hết nợ thì bà S giao đăng ký xe bản gốc tên chủ đứng tên trong chiếc xe giao bên mua, là bà S hết trách nhiệm về việc giấy tờ xe”; Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy đủ căn cứ xác định bị đơn có mua của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S 01 chiếc xe máy có biển số 78N4-YYYY (đứng tên Lê Văn T2) còn nợ lại số tiền 21.000.000đồng nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S nợ gốc 21.000.000đồng (Hai mươi một triệu đồng).

[3] Về tiền lãi, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự 2015 (20%/năm), từ ngày 30 tháng 10 năm 2018 đến khi trả xong nợ. Nhận thấy, theo Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 30 tháng 10 năm 2018, các bên thỏa thuận lãi chậm trả bằng 2,5%/tháng. Như vậy, áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 thì Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận tính lãi theo mức lãi suất 20%/năm (tức

1,67%/tháng). Thời gian tính lãi từ ngày mua xe là ngày 30 tháng 10 năm 2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27 tháng 4 năm 2021 là 02 năm 05 tháng 27 ngày x 21.000.000đồng x 1,67%/tháng = 10.465.000đồng (Mười triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

[4] Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S là 31.465.000đồng (Ba mươi một triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Khi bị đơn trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu đối với xe mô tô biển số 78N4-YYYY thì bà Hồ Thị Thanh S, ông Lê Văn T2 phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho bị đơn.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm cùng ông Nguyễn Văn S1 trả số nợ mua xe: Xét thấy tại Hợp đồng trả góp xe gắn máy ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại mục người bảo lãnh có dấu lặn tay, điểm chỉ, không ghi rõ dấu điểm chỉ của ngón tay nào, của ai; Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho bà T1 nhưng bà T1 không có mặt, không trình bày ý kiến phản đối, căn cứ khoản 2 Điều 91 BLTTDS nghĩa vụ chứng minh là của bà T1; Mặt khác, tại biên bản ngày 9 tháng 4 năm 2021, bị đơn Nguyễn Văn S1 trình bày, bà T1 là vợ của ông, ông S1 và bà T1 ký tên vào bản hợp đồng, do bà T1 không biết chữ nên lặn tay; nguyên đơn bà S trình bày người điểm chỉ vào hợp đồng là bà T1 không phải ai khác; Do đó, xác định bà T1 đã điểm chỉ vào hợp đồng trả góp xe gắn máy ngày 30 tháng 10 năm 2018 nên đã phát sinh nghĩa vụ của người bảo lãnh. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người bảo lãnh Nguyễn Thị T1 thực hiện nghĩa vụ của mình.

[6] Về án phí: Ngày 09/4/2021 bị đơn có đơn xin miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, HĐXX xét miễn nộp toàn bộ án phí cho bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các các Điều 335, 357, 430, 440, 453, 468 BLDS 2015

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn Nguyễn Văn S1 phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tiền nợ mua xe máy là 31.465.000đồng (Ba mươi một triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng), trong đó tiền gốc 21.000.000đồng, tiền lãi 10.465.000đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/04/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Trong trường hợp bị đơn Nguyễn Văn S1 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả hết số nợ hoặc số nợ còn lại thay cho bị đơn Nguyễn Văn S1.

Sau khi bị đơn Nguyễn Văn S1 trả hết nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78N4-YYYY thì bà Hồ Thị Thanh S, ông Lê Văn T2 phải có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bị đơn Nguyễn Văn S1.

Về án phí: Bị đơn Nguyễn Văn S1 được miễn nộp tiền án phí. Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S không phải chịu án phí dân sự nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 525.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000734 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

-VKSND thành phố Tuy Hòa
-TAND tỉnh Phú Yên
-Các đương sự
-Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa
-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Lệ Siêng